

## BẢO VỆ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG QUÁ TRÌNH XÉT XỬ VỤ ÁN VỀ MUA BÁN NGƯỜI

(Tiếp theo kỳ trước và hết)

TS. PHẠM MINH TUYẾN\*

### 3.3. Bảo vệ người bị hại sau khi xét xử

Căn cứ chấm dứt việc bảo vệ không dựa vào quá trình tố tụng, mà dựa trên thực tế về khả năng bị xâm hại hoặc đe dọa xâm hại tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người được bảo vệ không còn. Điều đó đồng nghĩa, ngay sau khi kết thúc phiên tòa, việc bảo vệ có thể vẫn được tiếp tục, tuy nhiên, kế hoạch bảo vệ của nạn nhân cần được sửa đổi phù hợp với ý kiến của nạn nhân và xem xét các mối quan ngại của người đó.

Theo đó, sau khi xét xử, thì vấn đề bảo vệ người bị hại vẫn cần được quan tâm như:

- *Triển khai và áp dụng mô hình Câu lạc bộ thanh thiếu niên di cư an toàn*

Mô hình Câu lạc bộ thanh thiếu niên di cư an toàn góp phần làm giảm nạn buôn người thông qua việc nâng cao năng lực cho thanh thiếu niên tự bảo vệ được mình và các bạn cùng trang lứa. Nên thành lập Câu lạc bộ tại cấp thôn/bản dành cho thanh thiếu niên từ 12 tuổi đến 17 tuổi. Từ đó, giúp thanh thiếu niên nâng cao kiến thức liên quan đến mối nguy hiểm của nạn mua bán người, luật pháp liên quan đến phòng, chống mua bán người và học các bước cụ thể để có thể bảo vệ chính mình như thiết lập mạng lưới hỗ trợ, biết số liên lạc của đường dây nóng. Đồng thời, thanh thiếu niên học các kỹ năng để phát triển khả năng thích nghi của các em, các kỹ năng tập trung vào phát triển cả sức mạnh nội tại và các hệ thống hỗ trợ bên ngoài, kỹ năng mềm tự bảo vệ bản thân.

- *Nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân và công tác thi hành chính sách, pháp luật*

Bộ Công an cần phối hợp chặt chẽ với Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác kịp thời xác minh, xác định nạn nhân bị mua bán từ nước ngoài trở về, để kịp thời tiếp nhận, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho các nạn nhân sớm hòa nhập với cộng đồng.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cần xây dựng các chương trình giới thiệu việc làm, hỗ trợ nạn nhân là phụ nữ, giúp họ có việc làm và thu nhập ổn định; có các trung tâm hỗ trợ, tư vấn làm thủ tục cấp hộ khẩu cho phụ nữ bị mua bán qua biên giới, hỗ trợ cho các cháu nhỏ là con của nạn nhân được đến trường.

Bộ Công an cần phối hợp với Bộ Tư pháp để xác minh các trường hợp nộp hồ sơ đăng ký kết hôn với người nước ngoài, đăng ký việc nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài.

- *Nâng cao chất lượng công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục*

Chính quyền địa phương, đặc biệt là những vùng kinh tế khó khăn, vùng sâu, vùng xa cần làm tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục cho những đối tượng có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm mua bán phụ nữ và trẻ em, nhờ đó, họ có thể tiếp cận với thông tin từ các phương tiện truyền thông để tự bảo vệ mình. Cần đưa vào chương trình giáo dục ở bậc tiểu học và trung học vấn đề buôn bán phụ nữ, trẻ em, cung cấp cho các em các phương thức phòng ngừa trong môi trường xã hội phức tạp, tạo cho các em có “cơ chế phòng vệ” ngay từ khi còn nhỏ.

Bên cạnh đó, Tòa án cần nghiên cứu, xem xét những trường hợp nhất định sẽ không công bố bản án lên cổng thông tin điện tử Tòa án để bảo vệ những bị hại.

\* Chánh án TAND tỉnh Bắc Ninh

#### 4. Khó khăn, hạn chế trong công tác bảo vệ người bị hại trong các vụ án mua bán người và kiến nghị

Trong những năm gần đây, tội phạm mua bán người có nhiều diễn biến phức tạp và xảy ra trên phạm vi cả nước. Theo báo cáo của Bộ Công an, trong 5 năm (2016 - 2020), có 2.912 nạn nhân bị mua bán và nghi vấn bị mua bán. Trong số này, nạn nhân chủ yếu là phụ nữ, trẻ em (chiếm trên 90%), thường tập trung ở những vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đối tượng nam giới, trẻ em trai cũng có thể là nạn nhân mua bán người vì mục đích bóc lột lao động, mua bán nội tạng...<sup>4</sup>. Qua nghiên cứu có thể thấy, nạn mua bán người không chỉ tập trung chủ yếu tại các tỉnh có đường biên giới giáp với các quốc gia khác, mà ở các tỉnh không có đường biên giới cũng có xuất hiện rải rác loại tội phạm này. Từ quy định hiện hành của hệ thống pháp luật Việt Nam và thực tế công tác bảo vệ người bị hại trong quá trình xét xử vụ án mua bán người; chúng tôi nhận thấy những khó khăn, hạn chế xuất phát từ quy định của pháp luật TTHS như sau:

##### *Thứ nhất, mâu thuẫn trong quy định về chủ thể được quyền đề nghị, yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ:*

Khoản 1 Điều 487 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định: “*Người được bảo vệ có quyền làm văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ*”. Như vậy, chỉ người được bảo vệ mới có quyền làm văn bản đề nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ. Quy định trên mâu thuẫn với điểm 1 khoản 2 Điều 62 BLTTHS năm 2015: “*Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền:*

1) *Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa*”.

Điều 62 BLTTHS năm 2015 là quy định chung về các quyền của bị hại, trong khi đó

Điều 487 BLTTHS năm 2015 là quy định riêng biệt áp dụng cho thủ tục tố tụng đặc biệt trong vụ án hình sự. Vấn đề pháp lý đặt ra đối với trường hợp bị hại là người dưới 18 tuổi trong vụ án mua bán người, khi đó người đại diện của họ có được thực hiện quyền yêu cầu bảo vệ này hay không? Thiết nghĩ, nhà làm luật cần có sự chỉnh sửa, thống nhất pháp luật, theo đó ghi nhận quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ là quyền của bị hại và người đại diện của họ theo đúng tinh thần quy định tại Điều 62 BLTTHS năm 2015, góp phần bảo vệ toàn diện đối với bị hại là nạn nhân trong vụ án mua bán người.

##### *Thứ hai, về trình tự, thủ tục thay đổi các biện pháp bảo vệ:*

Khoản 2 Điều 486 BLTTHS năm 2015 quy định: “*2. Việc áp dụng, thay đổi các biện pháp bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều này không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ*”. Điều đó đồng nghĩa với việc, biện pháp bảo vệ có thể được thay đổi từ biện pháp này sang biện pháp khác sao cho không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo vệ. Điều luật ghi nhận về quyền thay đổi, tuy nhiên không quy định về trình tự, thủ tục thay đổi các biện pháp bảo vệ. Việc quy định không đầy đủ dẫn đến những khó khăn liên quan đến trình tự, thủ tục thay đổi biện pháp bảo vệ như sau:

*Người có thẩm quyền ra quyết định thay đổi:* Trường hợp Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân ra quyết định áp dụng biện pháp bảo vệ đối với bị hại trong vụ án mua bán người do cơ quan mình thụ lý, giải quyết, điều tra theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp; đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (điểm a khoản 2 Điều 485 BLTTHS năm 2015). Vậy, khi thay đổi

<sup>4</sup> <https://congannghean.vn/tin-tuc-su-kien/trong-tinh/202007/gan-3000-nan-nhan-cua-nan-mua-ban-nguoi-trong-5-nam-905247/>

biện pháp bảo vệ thì Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra của Công an nhân dân trực tiếp có quyền ra quyết định, hay cần phải có đề nghị của chủ thể đã đề nghị áp dụng ban đầu là của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cùng cấp; đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao?

Hiểu như thế nào về *không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp*? Có thể thấy, quy định về điều kiện để thay đổi biện pháp bảo vệ *không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp* là không rõ ràng và mang tính định tính. Chúng tôi cho rằng, quy định trên nếu không được hướng dẫn sẽ không thể áp dụng trong thực tiễn, bởi BLTTHS ghi nhận mỗi biện pháp bảo vệ mang ý nghĩa, tác động riêng biệt, tương ứng với từng giai đoạn, trường hợp cụ thể. Khi thay đổi biện pháp bảo vệ chắc chắn sẽ tác động, ảnh hưởng đến chính người được bảo vệ. Ví dụ: Cơ quan có thẩm quyền thay đổi biện pháp bảo vệ từ bố trí lực lượng, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và các phương tiện khác để canh gác, bảo vệ sang biện pháp hạn chế việc đi lại, tiếp xúc của người được bảo vệ để bảo đảm an toàn cho họ, như vậy quyền tự do đi lại của người được bảo vệ sẽ bị hạn chế.

**Thứ ba, về thủ tục đăng ký hoặc cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:**

BLTTHS năm 2015 chưa quy định về thủ tục đăng ký hoặc cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Tại Điều 83 BLTTHS năm 2015 quy định về người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố và tại Điều 84 BLTTHS năm 2015 quy định người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Do đó, không đặt ra việc thực hiện thủ tục này. Trên thực tế sau khi có văn bản thỏa thuận giữa những người này với người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, bị hại thì cơ quan có thẩm quyền tiến

hành tố tụng phải tạo điều kiện cho họ tham gia tố tụng.

Riêng đối với trường hợp đương sự nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì thủ tục đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện theo Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vấn đề này hiện chỉ có hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 của Bộ Công an về thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố như sau:

*“Điều 9. Thủ tục đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố*

1. Khi đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố phải xuất trình các giấy tờ:

a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố;

b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận;

c) Người đại diện của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và giấy tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ của họ với bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

2. Trực ban hình sự của Cơ quan điều tra hoặc trực ban hình sự của từng đơn vị điều tra (trong trường hợp không tổ chức trực ban hình sự chung), trực ban các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động

điều tra có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Khi nhận được hồ sơ đăng ký, đối với Cơ quan điều tra tổ chức trực ban hình sự chung thì cán bộ trực ban hình sự có trách nhiệm ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm nhận vào sổ trực ban hình sự, chuyển ngay cho đơn vị thụ lý vụ việc, vụ án để đóng dấu văn bản đến và giao ngay cho Điều tra viên được phân công giải quyết vụ án, vụ việc. Đối với đơn vị điều tra tổ chức trực ban hình sự riêng, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, cán bộ trực ban hình sự có trách nhiệm đóng dấu văn bản đến, ghi rõ giờ, ngày, tháng, năm nhận và chuyển ngay cho Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công giải quyết vụ án, vụ việc.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận, Điều tra viên, Cán bộ điều tra có trách nhiệm trình Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra (khi được Thủ trưởng phân công hoặc ủy quyền), Cấp trưởng, Cấp phó cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ký Thông báo về việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và vào sổ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Trường hợp hồ sơ đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chưa bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra thông báo cho người đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp biết để bổ sung hồ sơ.

Trường hợp có căn cứ từ chối việc đăng ký bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

Theo chúng tôi, việc không quy định về trình tự, thủ tục đăng ký hoặc cấp giấy chứng

nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại hoặc các đương sự trong BLTTHS là vấn đề bất cập hiện nay, không bảo đảm được việc bảo vệ quyền của người bị hại nói chung và người bị hại trong các vụ án mua bán người nói riêng. Đây cũng là vấn đề hết sức quan trọng trong hoạt động tố tụng, nên không thể chỉ được hướng dẫn ở tầm Thông tư, mà cần phải được luật hóa.

Bên cạnh những điểm sửa đổi, bổ sung, tiến bộ góp phần hoàn thiện pháp luật về tội mua bán người, BLHS năm 2015 vẫn tồn tại một số nội dung cần được hướng dẫn, cụ thể:

- BLHS năm 2015 quy định hậu quả là “gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân” là một tình tiết định khung tăng nặng hình phạt mới trong tội phạm mua bán người. Tuy nhiên, để việc hiểu, vận dụng được chính xác và thống nhất, Tòa án nhân dân tối cao cần có hướng dẫn cụ thể về việc hiểu như thế nào là “rối loạn tâm thần và hành vi”.

- Với tình tiết định tội “lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân” tại cấu thành cơ bản: Đây là quy định rất khó xác định, vì chắc chắn không đối tượng phạm tội nào thừa nhận việc mua bán người nhằm lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân. Việc quy định trên là mang tính phòng ngừa, nhưng lại khó áp dụng, vì rất khó có chứng cứ để chứng minh làm rõ ý định của đối tượng phạm tội, nếu chỉ dựa vào lời khai nhận tội của người phạm tội, thì trái với nội hàm của nguyên tắc suy đoán vô tội theo quy định tại Điều 13 BLTTHS năm 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 150 BLHS năm 2015 quy định: “a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, **nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác**”. Khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”, theo đó, trong khái niệm tài sản đã bao gồm tiền; tiền là một loại thuộc tài sản. Việc BLHS quy định “nhận tiền, tài sản” là không cần thiết, gây trùng lặp, bởi trong nội hàm tài sản đã bao gồm tiền.

(Xem tiếp trang 23)

## BẢO VỆ NGƯỜI BỊ HẠI...

(Tiếp theo trang 17)

- Thực tế xét xử các tội phạm mua bán người cũng như mua bán trẻ em trong thời gian qua cũng có nhiều khó khăn. Bởi lẽ, các tội phạm này thường mang tính truy xét, rất ít trường hợp bị bắt quả tang. Do vậy, đối với các vụ án không thuộc trường hợp phạm tội quả tang, thì chỉ khi người bị hại trốn về địa phương và có đơn tố cáo, thì đối tượng phạm tội mới bị phát hiện. Vì thế, khi điều tra thì việc thu thập chứng cứ chỉ dựa vào lời khai của người bị hại, cũng như lời khai nhận tội của đối tượng phạm tội. Nếu người bị hại khai bản thân mình và nhiều người khác bị lừa bán, chứ không phải chỉ một mình người bị hại đã tố giác, thì cũng rất khó chứng minh nếu đối tượng phạm tội không thừa nhận. Chính vì vậy, rất dễ dẫn đến việc xử lý oan cho người phạm tội hoặc bỏ lọt hành vi phạm tội, dẫn đến tình trạng hủy án tràn lan.

Chính vì vậy, đối với các vụ án truy xét rất khó xác định tình tiết định khung tăng nặng tại khoản 3 Điều 150 BLHS năm 2015 là “*đã*

*lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân*”. Vì trong trường hợp này, chúng ta chỉ xác định được trong trường hợp nạn nhân trở về và tố cáo với cơ quan Công an thì mới xác định được, còn trong trường hợp có đủ chứng cứ để chúng mình đối tượng phạm tội có hành vi mua bán nhiều người, nhưng có những người chưa trở về, chưa xác định được địa chỉ họ đang ở đâu, nếu họ đã bị lấy đi bộ phận cơ thể nào đó, thì xử lý thế nào? Tương tự như vậy, tình tiết làm nạn nhân tự sát cũng rất khó xác định trong trường hợp không xác định được người bị hại đang ở đâu, nếu họ tự sát do bị làm nhục, thì cũng không có căn cứ để xử lý đối với người phạm tội..

Để việc áp dụng pháp luật thống nhất trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm mua bán người và mua bán trẻ em, chúng tôi đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cần sớm có văn bản hướng dẫn cụ thể về các vướng mắc nêu trên để các cơ quan tố tụng không bị lúng túng trong việc áp dụng pháp luật khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về mua bán người và mua bán trẻ em, góp phần đẩy lùi loại tội phạm này nói riêng và các loại tội phạm nói chung. □